

Sau 20 năm thực hiện Luật Đầu tư nước ngoài, thực tiễn cho thấy đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của các công ty xuyên quốc gia (TNCs) đã trở thành một bộ phận quan trọng của nền kinh tế Việt Nam. Đến nay, nền kinh tế nước ta đã từng bước ổn định, chuẩn bị chuyển sang giai đoạn phát triển tăng tốc, thực sự hội nhập vào nền kinh tế khu vực và thế giới (Việt Nam là thành viên thứ 150 của WTO), FDI của TNCs lại càng đóng vai trò quan trọng hơn.

BỐI CẢNH HỘI NHẬP CỦA VIỆT NAM

Bối cảnh trong nước

Với phương châm là bạn, là đối tác tin cậy của các nước trong cộng đồng quốc tế, tham gia tích cực vào tiến trình hợp tác quốc tế và khu vực. Quan hệ kinh tế giữa nước ta với các nước và các tổ chức quốc tế được mở rộng; việc thực hiện các cam kết về khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA), Hiệp định thương mại Việt Nam Hoa Kỳ, việc gia nhập Tổ chức thương mại thế giới (WTO) và thực hiện các hiệp định hợp tác đa phương, song phương khác đã góp phần tạo ra bước phát triển mới quan trọng về kinh tế đối ngoại nhất là thu hút đầu tư và xuất khẩu.

Tình hình chính trị - xã hội của nước ta tiếp tục ổn định. Thành công của Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng với việc khẳng định tiếp tục thực hiện nhất quán đường lối đổi mới, trong đó có việc đề ra nhiệm vụ: "Tăng cường thu hút vốn đầu tư nước ngoài, phấn đấu đạt trên 1/3 tổng nguồn vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trong 5 năm. Mở rộng lĩnh vực, địa bàn và hình thức thu hút FDI, hướng vào những thị trường giàu tiềm năng và các tập đoàn kinh tế hàng đầu thế giới, tạo sự chuyển biến

Triển vọng thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài của các công ty xuyên quốc gia vào Việt Nam đến 2010

TS. PHẠM QUỐC TRUNG *

mạnh mẽ về số lượng và chất lượng, hiệu quả nguồn đầu tư trực tiếp nước ngoài" đã tiếp tục củng cố niềm tin của cộng đồng đầu tư quốc tế, thúc đẩy gia tăng dòng vốn FDI vào nước ta.

Nền kinh tế tiếp tục tăng trưởng nhanh với tốc độ tăng GDP 8,17% năm 2006 và trung bình trong 5 năm 2001-2005 là 7,51%. Kinh tế vĩ mô tương đối ổn định, các quan hệ và các cân đối chủ yếu trong nền kinh tế (tích lũy - tiêu dùng, thu - chi ngân sách,...) được cải thiện; tổng vốn đầu tư vào nền kinh tế tăng nhanh đã làm tăng đáng kể năng lực sản xuất kinh doanh, tạo nhiều sản phẩm có sức cạnh tranh, hoàn thành và đưa vào sử dụng nhiều công trình

lớn về kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, tăng cường tiềm lực và cơ sở vật chất - kỹ thuật của nền kinh tế.

Về cơ bản, giai đoạn 2006-2010 vị thế của nước ta trên trường quốc tế tiếp tục được nâng cao, nhất là sau khi trở thành thành viên thứ 150 của WTO, tổ chức thành công Diễn đàn Hợp tác kinh tế châu Á - Thái Bình Dương (APEC) lần thứ 14 tại Hà Nội và được Quốc hội Hoa Kỳ thông qua Quy chế thương mại bình thường vĩnh viễn (PNTR), tiếp tục làm tăng mối quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài đối với địa bàn đầu tư nước ta.

Môi trường đầu tư kinh doanh của



Trụ sở ngân hàng CitiBank của tập đoàn CitiGroup

* Học viện CTQG Hồ Chí Minh

Việt Nam tiếp tục được cải thiện. Ngoài việc triển khai Luật Đầu tư chung, Luật Doanh nghiệp và một số luật khác cùng các Nghị định hướng dẫn được ban hành đã tạo môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho hoạt động đầu tư, nhiều biện pháp đã được tiến hành nhằm hạn chế và khắc phục tình trạng yếu kém của hệ thống kết cấu hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực...

Việc thực hiện Chương trình hành động Sáng kiến chung Việt Nam - Nhật Bản đã góp phần tháo gỡ nhiều rào cản đối với đầu tư nước ngoài, làm cho môi trường đầu tư nước ta trở nên thông thoáng và hấp dẫn hơn. Bên cạnh đó công tác xúc tiến đầu tư được coi trọng cả ở trong nước và nước ngoài. Đặc biệt, các hoạt động xúc tiến đầu tư được tổ chức trong khuôn khổ các chuyến thăm các nước của lãnh đạo Đảng, Chính phủ, Quốc hội và ngày Việt Nam ở nước ngoài đã góp phần gia tăng sự hiểu biết về Việt Nam, củng cố hình ảnh Việt Nam với tư cách là một điểm đến an toàn và đầy hứa hẹn đối với các nhà đầu tư.

Đặc biệt, giai đoạn 2006-2010, việc cắt giảm thuế những hàng hoá nằm trong danh mục cắt giảm xuống mức thuế suất 0-5% theo lộ trình khu vực mậu dịch tự do ASEAN (AFTA) được thực hiện và việc thực hiện các cam kết của tư cách thành viên WTO, thì nguồn vốn đầu tư vào Việt Nam sẽ tăng lên cả trong nội bộ các nước ASEAN và các nước khác. Đồng thời, các nhà đầu tư đang hoạt động tại Việt Nam sẽ có kế hoạch tăng vốn mở rộng quy mô sản xuất.

Bối cảnh quốc tế

Kinh tế thế giới những năm tới lấy đà tăng tốc và sẽ đạt tốc độ tăng trưởng cao nhất vào thập niên thứ hai của thế kỷ XXI, dựa trên đổi mới công nghệ mà các nhà kinh tế gọi là pha dâng cao của chu kỳ sóng dài thứ năm và theo UNTAD, từ nay đến 2020, nguồn vốn đầu tư chảy vào các nước châu Á tăng 6% (mức bình quân thế giới là 3,6%). Trong khi đó những rủi ro do tập trung

đầu tư quá lớn vào Trung Quốc đã bộc lộ rõ trong năm 2005, làm cho các nhà đầu tư nước ngoài, nhất là các tập đoàn lớn điều chỉnh chiến lược đầu tư dài hạn, trong đó có việc phân bổ nguồn đầu tư sang một số nước khác trong khu vực, nhất là các nền kinh tế mới nổi, có tốc độ tăng trưởng cao, có lợi thế về lao động, tài nguyên và chính sách đầu tư thông thoáng Việt Nam sẽ là một trong những nước được nhiều tập đoàn xuyên quốc gia quan tâm. Điều này tạo cơ hội mới cho Việt Nam trong việc tăng cường thu hút đầu tư FDI của TNCs.

Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi kể trên, hoạt động thu hút FDI của TNCs của Việt Nam cũng sẽ gặp những khó khăn nhất định như: (i) ở trong nước tình hình kinh tế chịu nhiều tác động bất lợi từ thị trường thế giới, giá cả nguyên liệu đầu vào tăng, thiên tai, lũ lụt... ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp; dịch vụ kết cấu hạ tầng còn hạn chế (quá tải về dịch vụ cảng biển, thiếu điện, phí dịch vụ cao) ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và gây tâm lý lo ngại đối với các nhà đầu tư mới; lợi thế về nguồn lao động trẻ dồi dào chưa được phát huy đầy đủ do công tác đào tạo chưa đáp ứng được yêu cầu...; (ii) nền kinh tế thế giới tiếp tục chịu nhiều tác động bất lợi đối với tăng trưởng kinh tế như giá nguyên, nhiên liệu biến động mạnh, thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp cũng là yếu tố gây lo ngại đối với các nhà đầu tư; cạnh tranh thu hút FDI giữa các nước tiếp tục diễn ra gay gắt, trong đó Trung Quốc, Ấn Độ vẫn là nơi có lợi thế về thị trường, lao động và môi trường đầu tư được đánh giá là hấp dẫn hàng đầu thế giới.

TRIỂN VỌNG THU HÚT FDI CỦA TNCs VÀO VIỆT NAM ĐẾN 2010

Trong bối cảnh và thực tế thu hút FDI của các TNC tại Việt Nam trong thời gian qua, có thể dự báo về triển

vọng thu hút FDI của Việt Nam từ nay tới 2010 theo các chiều hướng sau:

Thứ nhất, lượng vốn FDI của TNCs vào Việt Nam sẽ gia tăng

Dòng vốn FDI tiếp tục có xu hướng chuyển mạnh sang các nước đang phát triển, đặc biệt là các nền kinh tế mới nổi trong đó có Việt Nam, ngoài ra, sự gia tăng FDI của TNCs cho Việt Nam còn do những thành tựu về sự tăng trưởng của kinh tế Việt Nam, sự ổn định chính trị, xã hội và những cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư, tạo niềm tin cho các nhà đầu tư. Mặt khác, là một nền kinh tế mới nổi, là thành viên mới của một số tổ chức kinh tế, thương mại lớn và là quốc gia ẩn chứa nhiều tiềm năng phát triển, Việt Nam hứa hẹn là điểm đến hấp dẫn các nhà đầu tư. Nên triển vọng tăng vốn và thu hút thêm đầu tư mới của TNCs vào Việt Nam là khả quan.

Thứ hai, dòng vốn FDI của TNCs đầu tư vào Việt Nam sẽ được hướng nhiều hơn vào lĩnh vực xây dựng và dịch vụ, nhất là các dịch vụ yêu cầu cao về kỹ năng nghiệp vụ, công nghệ và xây dựng kết cấu hạ tầng

Theo UNCTAD (2004), hiện các nước phát triển tiếp nhận 72% vốn FDI của thế giới trong các ngành dịch vụ, các nước đang phát triển chiếm khoảng 25%, các nước Trung và Đông Âu chiếm 3% còn lại. Tuy nhiên, xu hướng FDI tập trung cho khu vực dịch vụ hiện nay đã có những thay đổi đáng kể so với đầu những năm 1990. Ví như, trong lĩnh vực dịch vụ thương mại và tài chính, năm 2002 lượng FDI thế giới vào 2 lĩnh vực này đã giảm từ 65% trong năm 1990 xuống 47%. Các ngành dịch vụ điện, nước, viễn thông và dịch vụ kinh doanh, đang có xu thế nổi bật trong việc tiếp nhận vốn FDI. Trong thời gian từ 1990 đến 2002, lượng FDI vào ngành năng lượng điện nói chung và phân phối tăng gấp 14 lần; vào viễn thông, kho chứa và vận tải tăng 16 lần; vào dịch vụ kinh doanh tăng 9 lần. FDI vào các lĩnh vực dịch vụ khác như y tế, giáo dục cũng tăng từ 5 đến 12 lần mặc

dù giá trị tuyệt đối còn rất nhỏ. Điều này cho thấy xu hướng lưu chuyển dòng vốn FDI đang được hướng vào các lĩnh vực cung cấp dịch vụ công cộng trên phạm vi toàn cầu, nhưng đặc biệt nổi bật ở các nước phát triển, mà điển hình là việc bán, hoặc liên doanh các công ty truyền thông, các doanh nghiệp tài chính... nhà nước với các nhà đầu tư nước ngoài.

Trong xu thế nêu trên, hoạt động FDI của TNCs vào các nước đang phát triển sẽ là các ngành dịch vụ, nhất là các dịch vụ du lịch, xây dựng và phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế- xã hội trong đó đáng chú ý là các ngành như giao thông vận tải, ngân hàng, bảo hiểm, văn phòng, địa ốc... đây là những lĩnh vực mà ở hầu hết các nước đang phát triển còn bỏ ngỏ hoặc hoạt động kém hiệu quả do có những yêu cầu cao về kỹ năng nghiệp vụ, công nghệ và là những lĩnh vực kinh tế phức tạp, có sự nhạy cảm cao, nên với các nước đang phát triển, hoặc các nền kinh tế mới nổi đây là sân chơi hấp dẫn đối với TNCs.

Ở Việt Nam, hiện tại FDI của TNCs sẽ vẫn tiếp tục hướng vào lĩnh vực công nghiệp và xây dựng (các dự án cấp mới công nghiệp- xây dựng có tới 66,4% về số dự án và 68,3% tổng vốn đăng ký), ngành dịch vụ chiếm 26,6% về số dự án và 30,01% tổng vốn đăng ký. Nhưng trong giai đoạn từ nay đến năm 2010, khả năng lĩnh vực dịch vụ, nhất là những ngành dịch vụ phát huy được lợi thế cạnh tranh về kinh nghiệm, kỹ năng quản lý hoặc đòi hỏi công nghệ cao mà Việt Nam chưa có thế mạnh như giao thông vận tải - viễn thông, tài chính - ngân hàng, khách sạn - du lịch, kinh doanh dịch vụ văn phòng, địa ốc... sẽ là hướng cuốn hút FDI của TNCs.

Thứ ba, luồng vốn FDI của TNCs Nhật Bản vào Việt Nam sẽ gia tăng mạnh

Việc dự báo luồng vốn FDI từ TNCs Nhật Bản vào Việt Nam sẽ tăng mạnh vào thời gian tới bởi vì, bên cạnh những nỗ lực của Việt Nam để "hấp dẫn" các

dòng FDI nói chung, thì việc gia tăng FDI của TNCs Nhật Bản nói riêng vào Việt Nam còn có sự tác động của các yếu tố như: sự gia tăng luồng vốn FDI của TNCs Nhật Bản vào các nước châu Á, nhất là khu vực Đông Nam Á, các nền kinh tế mới nổi trong đó có Việt Nam; sự suy thoái của nền kinh tế Nhật Bản, buộc TNCs tăng cường đầu tư vào các nền kinh tế mới nổi để tranh thủ thị trường mới, tài nguyên phong phú, giá nhân công rẻ để tiếp tục tối đa hoá lợi nhuận trong bối cảnh sự cạnh tranh quyết liệt của các nước công nghiệp hoá mới châu Á (NIEs); sau một thời gian gia tăng đầu tư vào Trung Quốc, TNCs Nhật Bản bắt đầu tìm kiếm thị trường mới theo phương châm "không bỏ tất cả trứng vào một giỏ", hơn nữa gần đây quan hệ Nhật - Trung trở nên căng thẳng, làm cho TNCs Nhật Bản phải đẩy nhanh quá trình tái cấu trúc mạng lưới sản xuất châu Á, mà trọng tâm là từ Trung Quốc sang các nước khác. Vì thế, Việt Nam với vị thế địa - chính trị và sự ổn định chính trị của mình đã trở thành quốc gia đứng đầu danh sách những quốc gia và vùng lãnh thổ chiếm được lòng tin của các nhà đầu tư Nhật Bản.

Hơn nữa, theo đánh giá chung của các công ty Nhật Bản tại châu Á, hiện nay Việt Nam hội đủ các yếu tố thuận lợi nhất: lao động khéo tay, chăm chỉ, tiếp thu nhanh các kiến thức mới, mà tiền lương lại rẻ (chỉ bằng 1/2 ở Thái Lan và thấp hơn nhiều so với Trung Quốc). Bên cạnh đó việc thực thi Sáng kiến chung Việt - Nhật, Hiệp hội bảo hộ đầu tư Việt - Nhật, Hiệp định thương mại song phương Việt - Nhật và những nỗ lực của Việt Nam trong việc cải thiện môi trường đầu tư (thực hiện Luật Đầu tư chung, Luật Doanh nghiệp), đã làm cho các nhà đầu tư Nhật Bản đánh giá cao các cơ hội đầu tư của họ tại Việt Nam.

Bên cạnh đó, trong các chuyến viếng thăm của các vị lãnh đạo cấp cao, nhiều dự án quy mô lớn đã được hai bên bàn bạc, thảo luận và có khả

năng biến thành hiện thực trong thời gian tới, như dự án trọng điểm quốc gia xây dựng khu liên hợp lọc dầu Nghi Sơn có tổng số vốn đầu tư lên tới 3,5 tỷ USD đã được đưa ra thảo luận với các đối tác tiềm năng của Nhật Bản... Đồng thời, Nhật Bản hiện là một trong những nước cung cấp ODA lớn nhất cho Việt Nam. Tất cả những yếu tố trên đều chứa đựng một thông điệp khả quan về bức tranh FDI của TNCs Nhật Bản cho Việt Nam trong thời gian tới.

Thứ tư, bên cạnh xu hướng tăng vốn mở rộng sản xuất kinh doanh của các TNCs đang hoạt động thì sự xuất hiện luồng FDI của TNCs mới tại Việt Nam là khả quan

Bước sang năm 2007 và những năm tiếp theo với tư cách là thành viên thứ 150 của WTO và việc thực hiện các cam kết trong khuôn khổ thành viên WTO, Việt Nam sẽ có nhiều cơ hội mới trong hợp tác đầu tư. Theo thông lệ, khi đã trở thành một thành viên chính thức của tổ chức kinh tế lớn như WTO, Việt Nam có sự hợp tác đầu tư bình đẳng như các thành viên khác, qua đó mở ra những cơ hội tiếp xúc, xúc tiến thương mại, đầu tư trong các quan hệ với các thành viên khác trong tổ chức này, đồng thời, với tư cách là thành viên của các tổ chức kinh tế, chính trị trên thế giới, vị thế của Việt Nam ngày càng được củng cố, tăng cường, hình ảnh Việt Nam được khuếch trương, nhờ đó tạo ra các cơ hội thu hút các nhà đầu tư quốc tế đến với Việt Nam.

Mặt khác, trong bối cảnh tình hình kinh tế, chính trị ở nhiều quốc gia, khu vực đang có những xung đột, bất ổn, cạnh tranh kinh tế ngày càng diễn ra gay gắt, sự biến động bất thường của nguồn nhiên liệu... lại tạo nên những cơ hội thuận lợi cho Việt Nam- một nền kinh tế mới nổi, tiềm năng về nguyên, nhiên liệu dồi dào, đa dạng, nguồn nhân lực rẻ, chính trị ổn định. Do đó, việc thu hút một làn sóng đầu tư của TNCs mới vào Việt Nam là khả quan, nếu như Việt Nam chuẩn bị chu đáo cho việc đón nhận sự kiện này. ■